

Số/Number: 377 /CV-PVSY

TP. HCM, ngày 22 tháng 7 năm 2026  
Ho Chi Minh City, July 22, 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN /  
INFORMATION DISCLOSURE**

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước / State  
Securities Commission  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội / Hanoi  
Stock Exchange (HNX)**

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Chế tạo giàn khoan Dầu khí / PetroVietnam Marine Shipyard Joint Stock Company – PV Shipyard

- Mã chứng khoán / Stock code: PVY

- Địa chỉ: Số 65A2, Đường 30/4, Phường Rạch Dừa, TP. Hồ Chí Minh

Address: No. 65A2, 30/4 Street, Rach Dua Ward, Ho Chi Minh City

- Điện thoại liên hệ/Tel.: 0254. 3545678

Fax: 0254.3512121

Phone/Tel.: 0254. 3545678

Fax: 0254.3512121

- E-mail: [info@pvshipyard.com.vn](mailto:info@pvshipyard.com.vn)

2. Nội dung thông tin công bố/ Contents of information to be announced:

- Báo cáo tình hình quản trị 06 tháng đầu năm 2026 của Công ty CP Chế tạo giàn khoan Dầu khí / Report on the company's governance report for the first six months of 2026.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty tại đường dẫn:

<https://www.pvshipyard.com.vn> / This information has been published on the company's website at the following link: <https://www.pvshipyard.com.vn>

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố / We commit that the information published above is true and fully responsible before the law for the content of the published information.

**\* Tài liệu đính kèm / Attachments:**

Tài liệu liên quan đến CBTT / Documents related to disclosure.

- Báo cáo tình hình quản trị 06 tháng đầu năm 2026 / governance report for the first six months of 2026.

**Đại diện tổ chức / Representative of the organization**

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT /  
Legal Representative/Person of the Disclosure Agency  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu) / (Signed,  
clearly stating the full name, position, seal)

**Người UQ CBTT / Legal Representative**



**Phạm Trường Giang**

Số/No.: 376/BC-PVSY

Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 7 năm 2026  
Ho Chi Minh, 22 July 2026

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY /  
REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE  
(6 tháng đầu năm 2026) / (first six months of 2026)**

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch chứng khoán.  
To: - The State Securities Commission;  
- The Stock Exchange.

- Tên công ty/Name of company: CÔNG TY CP CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ /  
PETROVIETNAM MARINE SHIPYARD J/S COMPANY
- Địa chỉ trụ sở chính/Address of headoffice: 65A2 Đường 30/4, Phường Rạch Dừa, TP. Hồ Chí Minh/  
65A2, 30/04 Str., Rach Dua Ward, Ho Chi Minh City, S.R Vietnam.
- Điện thoại/Telephone: +84- 254- 3545 555 Fax: +84- 254-3512121 Email:  
info@pvshipyard.com.vn
- Vốn điều lệ/Charter capital: 594.897.870.000 VNĐ (Năm trăm chín mươi bốn tỷ, tám trăm chín mươi bảy triệu, tám trăm bảy mươi ngàn đồng) (Five hundred ninety four billion, eight hundred ninety seven million, eight hundred seventy thousand dong).
- Mã chứng khoán/Stock symbol: PVY
- Mô hình quản trị công ty/Governance model: Công ty cổ phần không chịu chi phối vốn nhà nước/  
Joint stock company not controlled by state capital.
- + Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Giám đốc /General Meeting of  
Shareholders, Board of Directors, Board of Supervisors, and Director.
- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: Công ty không có bộ phận kiểm toán nội bộ/ The  
company does not have an internal audit department.

**I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông/Activities of the General Meeting of Shareholders**

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản)/Information on meetings, resolutions and decisions of the General Meeting of Shareholders (including the resolutions of the General Meeting of Shareholders approved in the form of written comments):

| tt<br>No. | Số Nghị<br>quyết/Quyết<br>định Resolution/<br>Decision No. | Ngày/<br>Date | Nội dung / Content                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|-----------|------------------------------------------------------------|---------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|           | 002/26/NQ-PVSY-<br>ĐHĐCĐ                                   | 19/6/2026     | Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 nhất trí thông qua những nội dung đã trình tại Đại hội, cụ thể như sau:<br>1.1 Báo cáo tình hình SXKD của Công ty năm 2025.<br>1.2 Kế hoạch SXKD của Công ty dự kiến năm 2026: Tổng Doanh thu là 1.310 tỷ đồng; Lợi nhuận trước thuế là 0,8 tỷ đồng. |





|  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|--|--|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|  |  | <p>1.2 The company's business plan for 2026 projects: Total revenue of VND 1,310 billion; Profit before tax of VND 0.8 billion.</p> <p>1.3 Board of Directors' report on the results of operations in 2025 and the plan for 2026.</p> <p>1.4 Report of the Supervisory Board at the 2026 Annual General Meeting of Shareholders .</p> <p>1.5 Proposal for approval of the 2025 financial statements audited by Vietnam Auditing and Valuation Company Limited.</p> <p>1.6 Proposal regarding the selection of an auditing firm for the 2026 financial statements.</p> <p>1.7 Report on the implementation of salaries, remuneration, and operating expenses for the Board of Directors and Supervisory Board in 2025 and the plan for 2026.</p> <p>1.8 The report on the profit distribution plan for 2025 and the plan for 2026 is as follows: In 2025, the after-tax profit is 0.47 billion VND. The company still has accumulated losses, therefore, these losses must be offset, so no funds will be allocated and no dividends will be distributed for 2025; In 2026, the business plan projects total revenue of 1,310 billion VND and pre-tax profit of 0.8 billion VND. The Board of Directors will base its proposal on the actual results of the Company at the end of 2026 to propose to the General Meeting of Shareholders for consideration of profit distribution and dividend payment at the next annual General Meeting of Shareholders.</p> <p>1.9 Proposal regarding the election of additional members to the Company's Board of Directors, specifically:</p> <p>+ Election of additional members to the Board of Directors (holding concurrent positions), as follows:</p> <p>Full name Citizen ID number, date of issue, place of issue Elected position</p> <p>Le Van Hien Citizen Identification Card No. 052068002088, issued on April 25, 2021, by the Department of Police for Administrative Management and Social Order. Board Member</p> <p>1.10 Report on the dismissal and election of the Company's Auditor, specifically:</p> <p>1.10.1 Nguyen Le Tra is relieved of her duties as Auditor and ceases to be a member of the Supervisory Board of the Petrovietnam Marine Shipyard Joint Stock Company .</p> <p>1.10.2 Pham Cong Huy is relieved of his duties as Supervisor for the 2022-2027 term .</p> <p>1.10.3 We are electing two Company Auditors (serving concurrently), as follows:</p> <p>No. Full name Citizen ID number, date of issue, place of issue Elected position</p> <p>1 Trinh Minh Nguyen Citizen Identification Card No. 022085013139, issued on December 18, 2025, by the Ministry of Public Security. Member of the Supervisory Board</p> <p>2 Ho Thi Kim Anh Citizen Identification Card No. 046193005448, issued on June 28, 2021, by the Department of Administrative Management and Social Order. Member of the Supervisory Board</p> |
|--|--|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|



|  |  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|--|--|--|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|  |  |  | <p>1.10.4 We propose that the Supervisory Board hold a meeting to elect the Head of the Supervisory Board in accordance with the Law and the Company's Articles of Association.</p> <p>1.11 Regarding Official Letter No. 3931/UBCK-GSDC dated May 13, 2026, from the State Securities Commission (SSC) concerning the conditions for public companies: unanimously agreed on the principle that the Company must rectify the issues to meet the requirements for a public company as stipulated by regulations, if the Company fails to rectify the issues by February 9, 2027, the Board of Directors will direct the implementation of procedures to revoke the Company's public company status with the the State Securities Commission.</p> |
|--|--|--|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

## II. Hội đồng quản trị / Board of Directors:

### 1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) Information about the members of the Board of Directors:

| Stt<br>No. | Thành viên<br>HĐQT/ Board of<br>Directors' members | Chức vụ/ Position (thành viên<br>HĐQT độc lập, TVHĐQT<br>không điều hành))<br>Independent members of the<br>Board of Directors, Non-<br>executive members of the<br>Board of Directors)) | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/<br>HĐQT độc lập<br>The date becoming/ceasing to be the member of the Board<br>of Directors |                                      |
|------------|----------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|
|            |                                                    |                                                                                                                                                                                          | Ngày bổ nhiệm<br>Date of appointment                                                                                                  | Ngày miễn nhiệm<br>Date of dismissal |
| 1          | Ông/Mr. Bùi Thanh Nam                              | Chủ tịch HĐQT/Chairman                                                                                                                                                                   | 05/12/2023                                                                                                                            |                                      |
| 2          | Ông/Mr. Trương Duy Lâm                             | Thành viên/Member of Board<br>of director                                                                                                                                                | 28/4/2025                                                                                                                             |                                      |
| 3          | Ông Vũ Minh Phú                                    | Thành viên/Member of Board<br>of director                                                                                                                                                | 30/5/2022                                                                                                                             |                                      |
| 4          | Ông Nguyễn Văn Dương                               | Thành viên/Member of Board<br>of director                                                                                                                                                | 11/9/2025                                                                                                                             |                                      |
| 5          | Ông Lê Văn Hiền                                    | Thành viên/Member of Board<br>of director                                                                                                                                                | 19/6/2026                                                                                                                             |                                      |

### 2. Các cuộc họp HĐQT/Meetings of the Board of Directors (\*):

| Stt<br>No. | Thành viên HĐQT/ Board of<br>Director' member | Số buổi họp HĐQT tham<br>dự/Number of meetings<br>attended by Board of<br>Directors | Tỷ lệ tham dự họp/<br>Attendance rate | Lý do không tham dự<br>họp/Reasons for<br>absence |
|------------|-----------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------------------------|
| 1          | Ông/ Mr. Bùi Thanh Nam                        | 03                                                                                  | 100%                                  |                                                   |
| 2          | Ông/Mr. Vũ Minh Phú                           | 03                                                                                  | 100%                                  |                                                   |
| 3          | Ông/Mr. Trương Duy Lâm                        | 03                                                                                  | 100%                                  |                                                   |
| 4          | Ông/Mr. Nguyễn Văn Dương                      | 03                                                                                  | 100%                                  |                                                   |

|   |                     |   |   |                                                 |
|---|---------------------|---|---|-------------------------------------------------|
| 5 | Ông/Mr. Lê Văn Hiền | - | - | Bổ nhiệm ngày/ Date of appointment<br>19/6/2026 |
|---|---------------------|---|---|-------------------------------------------------|

(\*) 03 lần họp trực tiếp, trực tuyến và 09 lần xin ý kiến bằng văn bản/ 03 times offline and online meetings and 09 times of asking for opinions in writing.

3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc/Supervising the Board of Management by the Board of Directors: Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh 06 tháng đầu năm 2026 của Ban giám đốc, và xem xét kế hoạch SXKD 06 tháng cuối năm 2026/ Review the performance of production and business tasks during the first six months of 2026 by the Board of Directors, and consider the production and business plan for the last six months of 2026.

4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có)/Activities of the Board of Directors' subcommittees (If any): Không có/ No.

5. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị /Resolutions/Decisions of the Board of Directors:

| Stt No. | Số Nghị quyết/ Quyết định Resolution/Decision No. | Ngày Date  | Nội dung Content                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Tỷ lệ thông qua Approval rate |
|---------|---------------------------------------------------|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|
| 1       | 003/26/NQ-HĐQT                                    | 28/01/2026 | Chủ trương hợp tác với PTSC M&C liên quan đến việc đầu tư, lắp đặt Hệ thống cổng trục Goliath 1.200 tấn tại bãi PV Shipyard/ The cooperation with PTSC M&C involves the investment and installation of a 1,200-ton Goliath gantry crane system at the PV Shipyard.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 100%                          |
| 2       | 007/26/NQ-HĐQT                                    | 23/3/2026  | Phê duyệt Hợp đồng cho thuê cơ sở hạ tầng tại Cảng PV Shipyard với Chi nhánh Cảng Dầu khí và Dịch vụ Năng lượng tái tạo (PTSC Supply Base) / Approval of the infrastructure lease contract at PV Shipyard with the Petroleum and Renewable Energy Services Port Branch (PTSC Supply Base).                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 100%                          |
| 3       | 010/26/NQ-HĐQT                                    | 30/3/2026  | Lùi ngày tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 sang ngày 19/6/2026/ The date for the 2026 Annual General Meeting of Shareholders has been postponed to June 19, 2026.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 100%                          |
| 4       | 013/26/NQ-HĐQT                                    | 17/4/2026  | Thông qua Hợp đồng cung ứng dịch vụ "Cung cấp gói hệ thống bệ neo" cho Công ty Liên doanh PTSC Asia Pacific Pte Ltd (PTSC AP)/ Through the service supply contract "Provision of mooring system package" to PTSC Asia Pacific Pte Ltd (PTSC AP) Joint Venture Company.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 100%                          |
| 5       | 023/26/NQ-HĐQT                                    | 28/5/2026  | Họp HĐQT thường kỳ (ngày 18/5/2026):<br>+ Báo cáo số 199/26/PVSY-T&O ngày 21/4/2026 về tình hình sxkd quý 1, kế hoạch SXKD quý 2 năm 2026.<br>+ Toàn bộ dự thảo chương trình và tài liệu chuẩn bị họp ĐHĐCĐ thường niên 2026.<br>+ TTr số 229/26/TTr-PVSY ngày 12/5/2026 về bổ nhiệm lại Phó Giám đốc Công ty (đ/c Nguyễn Nam Anh).<br>+ Một số nội dung liên quan khác: Cv số 3931/UBCK-GSĐC ngày 13/5/2026 về điều kiện công ty đại chúng của CTCP Chế tạo Giàn khoan Dầu khí.<br>Regular Board Meeting (May 18, 2026):<br>+ Report No. 199/26/PVSY-T&O dated April 21, 2026 on the production and business situation in Q1 and the production and business plan for Q2 2026. | 100%                          |



|    |                     |           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |      |
|----|---------------------|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
|    |                     |           | <p>+ The entire draft agenda and documents for the 2026 Annual General Meeting of Shareholders.</p> <p>+ Circular No. 229/26/TTr-PVSY dated May 12, 2026 on the reappointment of the Company's Deputy Director (Mr. Nguyen Nam Anh).</p> <p>+ Other related contents: Official Letter No. 3931/UBCK-GSDC dated May 13, 2026 on the conditions for the public company status of the Oil and Gas Drilling Rig Manufacturing Joint Stock Company.</p> |      |
| 6  | 027/26/QĐ-PVSY.HĐQT | 03/6/2026 | Bổ nhiệm lại P.GĐ – Nguyễn Nam Anh/ Reappointment of Deputy Director – Nguyen Nam Anh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 100% |
| 7  | 026/26/NQ-HĐQT      | 03/6/2026 | Thông qua Hợp đồng thi công, lắp đặt và hoàn thiện chế tạo đường ống CW và Aux.CW của gói T08 – Dự án Nhà máy Nhiệt điện Long Phú 1” cho Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (PTSC)/ Through the Construction, Installation and Fabrication Completion Contract for CW and Aux.CW pipelines of Package T08 – Long Phu 1 Thermal Power Plant Project” for PetroVietnam Technical Services Corporation (PTSC).                             | 100% |
| 8  | 030/26/NQ-HĐQT      | 10/6/2026 | Chấp thuận chủ trương bàn giao phần diện tích bãi thuê thuộc phạm vi quy hoạch tuyến đường nội bộ, với Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình (PVSB)/ Approval has been granted for the handover of the leased yard area within the planned internal road network to Sao Mai - Ben Dinh Petroleum Investment Joint Stock Company (PVSB).                                                                                                | 100% |
| 9  | 035/26/NQ-HĐQT      | 11/6/2026 | Thông qua chủ trương nội dung của Hợp đồng nguyên tắc theo đơn giá về việc “Cho thuê thiết bị nâng hạ và các dịch vụ khác phục vụ Dự án khí Lô B (Block B) - Ô Môn” giữa PV Shipyard và PTSC Thanh Hóa/ Through the content of the Framework Agreement on unit prices for "Leasing of lifting equipment and other services for the Block B - O Mon Gas Project" between PV Shipyard and PTSC Thanh Hoa.                                            | 100% |
| 10 | 037/26/NQ-HĐQT      | 11/6/2026 | Thông qua chủ trương nội dung của Hợp đồng về việc cung cấp dịch vụ kỹ thuật phục vụ thi công cho CPP Topside cho Dự án Khí Lô B giữa PTSC M&C và PV Shipyard/ Through the content of the Contract for the provision of technical services for the construction of the CPP Topside for the Block B Gas Project between PTSC M&C and PV Shipyard.                                                                                                   | 100% |
| 11 | 039/26/NQ-HĐQT      | 11/6/2026 | Thông qua chủ trương nội dung của Hợp đồng cung cấp Dịch vụ cảng và hậu cần phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh giữa PTSC M&C và PV Shipyard/ Through the content of the Port and Logistics Services Agreement for business operations between PTSC M&C and PV Shipyard.                                                                                                                                                                         | 100% |
| 12 | 042/26/NQ-HĐQT      | 16/6/2026 | Thông qua chủ trương nội dung các điều kiện và điều khoản của Dự thảo Hợp đồng về việc thi công Link Bridges & DSF cho Dự án Khí Lô B giữa PTSC Thanh Hóa và PV Shipyard/ Through the content and terms of the Draft Contract for the construction of Link Bridges & DSF for the Block B Gas Project between PTSC Thanh Hoa and PV Shipyard.                                                                                                       | 100% |

### III. Ban kiểm soát /Board of Supervisors:

#### 1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS)/ Information about members of Board of Supervisors:

| Stt<br>No. | Thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm<br>toán<br><i>Members of Board of<br/>Supervisors/ Audit Committee</i> | Chức vụ<br><i>Position</i>                        | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên<br>BKS/ Ủy ban Kiểm toán<br><i>The date becoming/ceasing to be the<br/>member of the Board of Supervisors/<br/>Audit Committee</i> | Trình độ chuyên môn<br><i>Qualification</i>               |
|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|
| 1          | Bà/Ms. Nguyễn Lệ Trà                                                                               | Trưởng<br>BKS/ Head<br>of<br>Supervisory<br>Board | Miễn nhiệm ngày 19/6/2026/<br>Dismissal on June 19, 2026                                                                                                                | Cử nhân TCKT/<br>Bachelor of Finance<br>and Accounting    |
| 2          | Ông/Mr. Phạm Công Huy                                                                              | Thành viên/<br>Member of<br>SB                    | Miễn nhiệm ngày 19/6/2026/<br>Dismissal on June 19, 2026                                                                                                                | Cử nhân kế toán/<br>Bachelor of Finance<br>and Accounting |
| 3          | Ông/Mr. Phạm Thường Minh                                                                           | Thành viên/<br>Member of<br>SB                    | Bổ nhiệm ngày 30/5/2022/ Appointed<br>on May 30, 2022                                                                                                                   | Thạc sỹ QTKD/<br>Master of Business<br>Administration     |
| 4          | Bà/Ms. Hồ Thị Kim Ánh                                                                              | Trưởng<br>BKS/ Head<br>of<br>Supervisory<br>Board | Bổ nhiệm ngày 23/6/2026/ Appointed<br>on June 23, 2026                                                                                                                  | Cử nhân TCKT/<br>Bachelor of Finance<br>and Accounting    |
| 5          | Ông/Mr. Trịnh Minh Nguyên                                                                          | Thành viên/<br>Member of<br>SB                    | Bổ nhiệm ngày 19/6/2026/ Appointed<br>on June 19, 2026                                                                                                                  | Cử nhân TCKT/<br>Bachelor of Finance<br>and Accounting    |

#### 2. Cuộc họp của BKS/ Ủy ban Kiểm toán/Meetings of Board of Supervisors or Audit Committee:

| Stt<br>No. | Thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm<br>toán <i>Members of Board of Supervisors/<br/>Audit Committee</i> | Số buổi họp<br>tham dự <i>Number<br/>of meetings<br/>attended</i> | Tỷ lệ tham dự<br>họp<br><i>Attendance<br/>rate</i> | Tỷ lệ biểu<br>quyết<br><i>Voting rate</i> | Lý do không<br>tham dự họp<br><i>Reasons for<br/>absence</i> |
|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|-------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 1          | Bà/Ms. Nguyễn Lệ Trà                                                                            | 02                                                                | 100%                                               | 100%                                      |                                                              |
| 2          | Ông/Mr. Phạm Công Huy                                                                           | 02                                                                | 100%                                               | 100%                                      |                                                              |
| 3          | Ông/Mr. Phạm Thường Minh                                                                        | 02                                                                | 100%                                               | 100%                                      |                                                              |
| 4          | Bà/Ms. Hồ Thị Kim Ánh                                                                           | 01                                                                | 100%                                               | 100%                                      | Bổ nhiệm ngày<br>23/6/2026/<br>Appointed on<br>June 23, 2026 |
| 5          | Ông/Mr. Trịnh Minh Nguyên                                                                       | 01                                                                | 100%                                               | 100%                                      | Bổ nhiệm ngày<br>19/6/2026/<br>Appointed on<br>June 19, 2026 |



3. Hoạt động giám sát của BKS/ Ủy ban Kiểm toán đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông/*Supervising Board of Directors, Board of Management and shareholders by Board of Supervisors or Audit Committee:*

- Các Thành viên Hội đồng Quản trị đã bám sát chỉ đạo mọi hoạt động của công ty với tinh thần làm việc đoàn kết, tập trung, dân chủ/ - *The Board of Directors has closely directed all activities of the company with a spirit of solidarity, concentration and democracy.*

- Ban giám đốc đã có nhiều nỗ lực trong việc điều hành sản xuất kinh doanh, đảm bảo duy trì liên tục hoạt động sản xuất. Chủ động thực hiện các giải pháp tiết kiệm chi phí, xử lý hiệu quả hợp lý các tài sản nhằm từng bước tháo gỡ khó khăn về tài chính/ - *The Board of Directors has made many efforts in operating production and business, ensuring continuous production activities. Proactively implementing cost-saving solutions, effectively and reasonably handling assets to gradually resolve financial difficulties.*

- Ban kiểm soát đánh giá tình hình hoạt động của Công ty đang theo kế hoạch đặt ra, và không nhận được ý kiến nào của các Cổ đông về các vấn đề liên quan đến điều hành hoạt động SXKD của Ban lãnh đạo Công ty/ *The Board of Supervisors assessed that the Company's operations are according to the set plan, and did not receive any comments from Shareholders on issues related to the management of production and business activities of the Company's Board of Directors.*

4. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS/ Ủy ban Kiểm toán đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác/*the coordination among the Board of Supervisors, Audit Committee, the Board of Management, Board of Directors and other managers:*

- Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc đã tạo mọi điều kiện để Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ theo đúng quy định. Ban kiểm soát luôn duy trì kênh thông tin hiệu quả, đảm bảo giám sát được chất lượng kiểm toán báo cáo tài chính cũng như cập nhật kịp thời các kết quả kiểm toán báo cáo tài chính/ - *The Board of Directors and the Board of Management have created all conditions for the Supervisory Board to perform its duties in accordance with regulations. The Supervisory Board always maintains an effective information channel, ensuring the supervision of the quality of financial statement audits as well as timely updates of financial statement audit results.*

- Ban kiểm soát Công ty được mời tham gia trong các phiên họp của Hội đồng quản trị, để nắm bắt tình hình công ty và làm cơ sở cho việc giám sát, được đóng góp ý kiến theo đúng chức năng và quyền hạn của Ban kiểm soát/ - *The Company's Supervisory Board is invited to participate in meetings of the Board of Directors to grasp the company's situation and serve as a basis for supervision, and to contribute opinions in accordance with the functions and powers of the Supervisory Board.*

5. Hoạt động khác của BKS/ Ủy ban Kiểm toán (nếu có)/*Other activities of the Board of Supervisors and Audit Committee (if any):* Không có/ *No.*

#### IV. Ban điều hành/*Board of Management:*

| STT<br><i>No.</i> | Thành viên Ban điều hành/ <i>Members of Board of Management</i> | Ngày tháng năm sinh<br><i>Date of birth</i> | Trình độ chuyên môn<br><i>Qualification</i>                                                                     | Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm thành viên Ban điều hành/<br><i>Date of appointment / dismissal of members of the Board of Management /</i> |
|-------------------|-----------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1                 | Ông/Mr. Trương Duy Lâm – Giám đốc / <i>Director</i>             | 1984                                        | Cử nhân khoa học, thạc sỹ Quản trị kinh doanh/<br><i>Bachelor of Science, Master of Business Administration</i> | Bổ nhiệm ngày 12/8/2024/ <i>Appointed on August 12, 2024</i>                                                                          |



|   |                                                       |      |                                                                   |                                                     |
|---|-------------------------------------------------------|------|-------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|
| 2 | Ông/Mr. Nguyễn Nam Anh – Phó Giám đốc / Vice Director | 1979 | Cử nhân kinh tế ngoại thương/ Bachelor of Foreign Trade Economics | Bổ nhiệm ngày 18/10/2018/ Appointed on Dec 18, 2018 |
|---|-------------------------------------------------------|------|-------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|

#### V. Kế toán trưởng/Chief Accountant:

| Họ và tên<br><i>Name</i>   | Ngày tháng năm sinh<br><i>Date of birth</i> | Trình độ chuyên môn nghiệp vụ<br><i>Qualification</i> | Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm<br><i>Date of appointment/ dismissal</i> |
|----------------------------|---------------------------------------------|-------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|
| Bà/ Ms. Mạc Thị Hồng Vượng | 1984                                        | Cử nhân TCKT/ Bachelor of Finance and Accounting      | Bổ nhiệm ngày 15/01/2019/ Appointed on Jan 15, 2019                |

#### VI. Đào tạo về quản trị công ty/Training courses on corporate governance:

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty/Training courses on corporate governance were involved by members of Board of Directors, the Board of Supervisors, Director (General Director), other managers and secretaries in accordance with regulations on corporate governance: Các thành viên HĐQT, BKS, BGĐ, Thư ký công ty đã được đào tạo về quản trị công ty/ Members of the Board of Directors, Supervisory Board, General Director and Company Secretary have been trained in corporate governance.

#### VII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty/The list of affiliated persons of the public company and transactions of affiliated persons of the Company)

1. Danh sách về người có liên quan của công ty/The list of affiliated persons of the Company: chi tiết như Phụ lục 1 đính kèm / Details as attached Appendix 1

2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ/ Transactions between the Company and its affiliated persons or between the Company and its major shareholders, internal persons and affiliated persons: Chi tiết như phụ lục 3 đính kèm/ Details as attached Appendix 3.

3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát/ Transaction between internal persons of the Company, affiliated persons of internal persons and the Company's subsidiaries in which the Company takes controlling power. Không có phát sinh giao dịch / No transactions.

4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác/Transactions between the Company and other objects  
4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo)/Transactions between the Company and the company that its members of Board of Management, the Board of Supervisors, Director have been founding members or members of Board of Directors, or CEOs in three (03) latest years (calculated at the time of reporting): Không có phát sinh giao dịch / No transactions.

4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc điều hành/ Transactions between the Company and the company that its affiliated persons with members of Board of Directors, Board of Supervisors, Director and other managers as a member of Board of Directors, Director (CEO): Không có phát sinh giao dịch / No transactions.

4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác/ Other transactions of the Company (if any) may bring material or non- material benefits for members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers: Không có phát sinh giao dịch / No transactions.



**VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ /Share transactions of internal persons and their affiliated persons:**

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ/*The list of internal persons and their affiliated persons công ty / Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the Company*: Chi tiết như Phụ lục 2 đính kèm/ *Details as attached Appendix 2*.
2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty/ *Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the company*: Không có phát sinh giao dịch / *No No transactions*.

**IX. Các vấn đề cần lưu ý khác/Other significant issues: Không có/ No.**

**Nơi nhận:**

**Recipients:**

- Như trên (b/c);
- Lưu: VT, VP.HĐQT.
- Archived: VT, VP.HĐQT.

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

(Sign, full name and seal)

A handwritten signature in black ink is written over a red circular stamp. The stamp contains the text: "M.S.D.N: 3500806844-C.T.P.", "CÔNG TY CỔ PHẦN", "CHẾ TẠO GIẤY KHOAN", "DẤU KHÍ", and "P. RACH DUA - TP. HO CHI MINH".

**Bùi Thanh Nam**

**PHỤ LỤC 1/APPENDIX 1**  
(Mục VII.1 - BCQT/Section VII.1 - BCQT)  
**DANH SÁCH VỀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY/**  
**THE LIST OF AFFILIATED PERSONS OF THE COMPANY**

Mã chứng khoán / Stock symbol: **PVY**

Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ - PV SHIPYARD**  
**PETROVIETNAM MARINE SHIPYARD J/S COMPANY**

Ngày chốt / Closing date: **30/06/2026 30-Jun-26**

| STT                                            | Tên tổ chức/cá nhân<br><i>Name of organization/individual</i> | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)<br><i>Securities trading account (if any)</i> | Chức vụ tại công ty (nếu có)<br><i>Position at the Company (if any)</i> | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp<br><i>No. *, date of issue, place of issue</i> | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ<br><i>Address</i>               | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan<br><i>Time of starting to be affiliated person</i> | Thời điểm không còn là người có liên quan<br><i>Time of ending to be affiliated person</i> | Lý do<br><i>Reasons</i>           | Mối quan hệ liên quan với công ty/<br><i>Relationship with the Company</i> |
|------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|
| No.                                            |                                                               |                                                                                        |                                                                         |                                                                                |                                                                       |                                                                                            |                                                                                            |                                   |                                                                            |
| <b>I Hội đồng quản trị/ Board of Directors</b> |                                                               |                                                                                        |                                                                         |                                                                                |                                                                       |                                                                                            |                                                                                            |                                   |                                                                            |
| 1                                              | Bùi Thanh Nam                                                 |                                                                                        | Chủ tịch Hội đồng Quản trị/ <i>Chairman</i>                             |                                                                                | 65A2, Đường 30/4, TP.Vũng Tàu/65A2, 30/4 Str., Vũng Tàu City, Vietnam | 05/12/2023                                                                                 |                                                                                            | Bổ nhiệm/ <i>Appointed</i>        | Người nội bộ/ <i>Internal persons</i>                                      |
| 2                                              | Vũ Minh Phú                                                   |                                                                                        | Thành viên hội đồng quản trị/ <i>Members of the Board of Directors</i>  |                                                                                | Như trên/ <i>As above</i>                                             | 30/05/2022                                                                                 |                                                                                            | Bổ nhiệm lại/ <i>Re-Appointed</i> | Người nội bộ/ <i>Internal persons</i>                                      |
| 3                                              | Trương Duy Lâm                                                |                                                                                        | Thành viên hội đồng quản trị/ <i>Members of the Board of Directors</i>  |                                                                                | Như trên/ <i>As above</i>                                             | 28/04/2025                                                                                 |                                                                                            | Bổ nhiệm/ <i>Appointed</i>        | Người nội bộ/ <i>Internal persons</i>                                      |
| 4                                              | Nguyễn Văn Dương                                              |                                                                                        | Thành viên hội đồng quản trị/ <i>Members of the Board of Directors</i>  |                                                                                | Như trên/ <i>As above</i>                                             | 11/09/2025                                                                                 |                                                                                            | Bổ nhiệm/ <i>Appointed</i>        | Người nội bộ/ <i>Internal persons</i>                                      |
| 5                                              | Lê Văn Hiền                                                   |                                                                                        | Thành viên hội đồng quản trị/ <i>Members of the Board of Directors</i>  |                                                                                | Như trên/ <i>As above</i>                                             | 19/06/2026                                                                                 |                                                                                            | Bổ nhiệm/ <i>Appointed</i>        | Người nội bộ/ <i>Internal persons</i>                                      |
| <b>II Ban Kiểm soát/ Supervisory Board</b>     |                                                               |                                                                                        |                                                                         |                                                                                |                                                                       |                                                                                            |                                                                                            |                                   |                                                                            |
| 1                                              | Nguyễn Lê Trà                                                 |                                                                                        | Trưởng Ban kiểm soát/ <i>Head of Supervisory Board</i>                  |                                                                                | Như trên/ <i>As above</i>                                             |                                                                                            | 19/06/2026                                                                                 | Miễn nhiệm/ <i>Dismissed</i>      | Người nội bộ/ <i>Internal persons</i>                                      |
| 2                                              | Phạm Công Huy                                                 |                                                                                        | Kiểm soát viên/ <i>Member of SB</i>                                     |                                                                                | Như trên/ <i>As above</i>                                             |                                                                                            | 19/06/2026                                                                                 | Miễn nhiệm/ <i>Dismissed</i>      | Người nội bộ/ <i>Internal persons</i>                                      |
| 3                                              | Phạm Thường Minh                                              |                                                                                        | Kiểm soát viên/ <i>Member of SB</i>                                     |                                                                                | Như trên/ <i>As above</i>                                             | 30/5/2022                                                                                  |                                                                                            | Bổ nhiệm lại/ <i>Re-Appointed</i> | Người nội bộ/ <i>Internal persons</i>                                      |
| 4                                              | Hồ Thị Kim Ánh                                                |                                                                                        | Trưởng Ban kiểm soát/ <i>Head of Supervisory Board</i>                  |                                                                                | Như trên/ <i>As above</i>                                             | 23/06/2026                                                                                 |                                                                                            | Bổ nhiệm/ <i>Appointed</i>        | Người nội bộ/ <i>Internal persons</i>                                      |
| 5                                              | Trịnh Minh Nguyên                                             |                                                                                        | Kiểm soát viên/ <i>Member of SB</i>                                     |                                                                                | Như trên/ <i>As above</i>                                             | 19/06/2026                                                                                 |                                                                                            | Bổ nhiệm/ <i>Appointed</i>        | Người nội bộ/ <i>Internal persons</i>                                      |
| <b>III Ban Giám đốc/ Board of Directors</b>    |                                                               |                                                                                        |                                                                         |                                                                                |                                                                       |                                                                                            |                                                                                            |                                   |                                                                            |



|                                                                                                                                              |                                                                                                        |  |                                                                |            |                                                                                                |            |  |                    |                                                                                                           |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|----------------------------------------------------------------|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|--|--------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1                                                                                                                                            | Trương Duy Lâm                                                                                         |  | Giám đốc/ Director                                             |            | Như trên/As above                                                                              | 08/12/2024 |  | Bổ nhiệm/Appointed | Người nội bộ/Internal persons                                                                             |
| 2                                                                                                                                            | Nguyễn Nam Anh                                                                                         |  | Phó Giám đốc/ Vice Director                                    |            | Như trên/As above                                                                              | 18/10/2018 |  | Bổ nhiệm/Appointed | Người nội bộ/Internal persons                                                                             |
| <b>IV Phụ trách tài chính kế toán/ Finance and Accounting Manager</b>                                                                        |                                                                                                        |  |                                                                |            |                                                                                                |            |  |                    |                                                                                                           |
| 1                                                                                                                                            | Mạc Thị Hồng Vượng                                                                                     |  | Phụ trách tài chính kế toán/ Finance and accounting manager    |            | Như trên/As above                                                                              | 15/1/2019  |  | Bổ nhiệm/Appointed | Người nội bộ/Internal persons                                                                             |
| <b>V Phụ trách quản trị Công ty/ Corporate Governance Officer</b>                                                                            |                                                                                                        |  |                                                                |            |                                                                                                |            |  |                    |                                                                                                           |
| 1                                                                                                                                            | Phạm Trường Giang                                                                                      |  | Người phụ trách quản trị Công ty/ Corporate Governance Officer |            | Như trên/As above                                                                              | 10/11/2023 |  | Bổ nhiệm/Appointed | Người nội bộ/Internal persons                                                                             |
| <b>VI Cổ đông sở hữu cổ phần trên 10% trên vốn điều lệ Công ty/ Shareholders owning shares of above 10% of the Company's charter capital</b> |                                                                                                        |  |                                                                |            |                                                                                                |            |  |                    |                                                                                                           |
| 1                                                                                                                                            | Tổng công ty CP Dịch vụ kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC) / PETROVIETNAM TECHNICAL SERVICES CORPORATION |  | Cổ đông/ Shareholder                                           | 0100150577 | 1-5 Lê Duẩn, Q.1, TP.HCM /PetroVietnam Tower, 1 Le Duan, District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam |            |  |                    | Sở hữu 17.105.643 CP~ 28,75% CP/VĐL/ Owned 17,105,643 shares ~ 28.75% of shares/Company's charter capital |

NGƯỜI LẬP / Reporter



Phạm Trường Giang

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC / ORGANIZATION REPRESENTATIVE

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu) / Sign, full name and stamp



Trương Duy Lâm

**PHỤ LỤC 2/APPENDIX 2**

(Mục VIII.1 - BCQT/Section VIII.1 - BCQT)

**DANH SÁCH NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ/  
THE LIST OF LIST OF INSIDERS AND RELATED PERSONS OF INSIDERS**

**Mã chứng khoán / Stock symbol: PVY**

**Tên Công ty:**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ - PV SHIPYARD  
PETROVIETNAM MARINE SHIPYARD J/S COMPANY**

**Ngày chốt / Closing date:**

**30/06/2026**

**30-Jun-26**

| Stt/ No. | Họ tên/ Name                                                                                          | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any) | Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Position at the company (if any)       | Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue | Địa chỉ liên hệ/ Address                                                                                              | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period | Ghi chú/ Note                                                                                                                                                        |
|----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1        | 2                                                                                                     | 3                                                                             | 4                                                                    | 5                                                                                            | 6                                                                                                                     | 7                                                                           | 8                                                                                     | 9                                                                                                                                                                    |
| <b>1</b> | <b>Bùi Thanh Nam</b>                                                                                  | Không có/No                                                                   | <b>Chủ tịch Hội đồng Quản trị/Chairman of the Board of Directors</b> | <b>040070000515</b>                                                                          | <i>65A2 đường 30/4, P.Rạch Dừa, TP.HCM</i>                                                                            | Không có/No                                                                 | Không có/No                                                                           | <i>Địa chỉ Công ty/Company address</i>                                                                                                                               |
| 1.01     | Trần Thị Huyền                                                                                        |                                                                               |                                                                      |                                                                                              |                                                                                                                       |                                                                             |                                                                                       | <i>Vợ/Wife</i>                                                                                                                                                       |
| 1.02     | Bùi Quốc Sang                                                                                         |                                                                               |                                                                      |                                                                                              |                                                                                                                       |                                                                             |                                                                                       | <i>Con/Child</i>                                                                                                                                                     |
| 1.03     | Bùi Quốc Minh                                                                                         |                                                                               |                                                                      |                                                                                              |                                                                                                                       |                                                                             |                                                                                       | <i>Con/Child</i>                                                                                                                                                     |
| 1.04     | Bùi Đình Tiến                                                                                         |                                                                               |                                                                      |                                                                                              |                                                                                                                       |                                                                             |                                                                                       | <i>Bố/Father</i>                                                                                                                                                     |
| 1.05     | Lê Thị Phú                                                                                            |                                                                               |                                                                      |                                                                                              |                                                                                                                       |                                                                             |                                                                                       | <i>Mẹ/Mother</i>                                                                                                                                                     |
| 1.06     | Bùi Hương Giang                                                                                       |                                                                               |                                                                      |                                                                                              |                                                                                                                       |                                                                             |                                                                                       | <i>Em/Sister</i>                                                                                                                                                     |
| 1.07     | Trần Xuân Thu                                                                                         |                                                                               |                                                                      |                                                                                              |                                                                                                                       |                                                                             |                                                                                       | <i>Bố vợ/Father in law</i>                                                                                                                                           |
| 1.08     | Tạ Thị Chích                                                                                          |                                                                               |                                                                      |                                                                                              |                                                                                                                       |                                                                             |                                                                                       | <i>Mẹ vợ/Mother in law</i>                                                                                                                                           |
| 1.09     | Trần Thị Thanh Hằng                                                                                   |                                                                               |                                                                      |                                                                                              |                                                                                                                       |                                                                             |                                                                                       | <i>Em vợ/Sister in law</i>                                                                                                                                           |
| 1.10     | Trần Thị Thanh Hương                                                                                  |                                                                               |                                                                      |                                                                                              |                                                                                                                       |                                                                             |                                                                                       | <i>Em vợ/Sister in law</i>                                                                                                                                           |
| 1.11     | Tổng công ty CP Dịch vụ kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)/ PetroVietnam Technical Services Corporation |                                                                               | TCLQ                                                                 | 0100150577                                                                                   | Số 1 Lê Duẩn, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam/ No. 1 Le Duang, Saigon Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam | 17.105.643                                                                  | 28.75%                                                                                | <i>Ô.Bùi Thanh Nam đại diện vốn của PTSC: 7.000.000 CP ~ 11,765%/VDL/ Mr. Bui Thanh Nam represents PTSC's capital of 7,000,000 shares ~ 11.765%/charter capital.</i> |
| <b>2</b> | <b>Vũ Minh Phú</b>                                                                                    | Không có/No                                                                   | <b>Thành viên Hội đồng Quản trị/Member of the Board of Directors</b> | <b>001068022198</b>                                                                          | <i>65A2 đường 30/4, P.Rạch Dừa, TP.HCM</i>                                                                            | Không có/No                                                                 | Không có/No                                                                           | <i>Địa chỉ Công ty/Company address</i>                                                                                                                               |
| 2.01     | Vũ Văn Thá                                                                                            |                                                                               |                                                                      |                                                                                              |                                                                                                                       |                                                                             |                                                                                       | <i>Bố/Father</i>                                                                                                                                                     |
| 2.02     | Trần Thị Minh Kiên                                                                                    |                                                                               |                                                                      |                                                                                              |                                                                                                                       |                                                                             |                                                                                       | <i>Mẹ/Mother</i>                                                                                                                                                     |
| 2.03     | Lê Thị Mai                                                                                            |                                                                               |                                                                      |                                                                                              |                                                                                                                       |                                                                             |                                                                                       | <i>Vợ/Wife</i>                                                                                                                                                       |
| 2.04     | Vũ Minh Quý                                                                                           |                                                                               |                                                                      |                                                                                              |                                                                                                                       |                                                                             |                                                                                       | <i>Con/Child</i>                                                                                                                                                     |
| 2.05     | Vũ Thị Kim Sơn                                                                                        |                                                                               |                                                                      |                                                                                              |                                                                                                                       |                                                                             |                                                                                       | <i>Em/Sister</i>                                                                                                                                                     |
| 2.06     | Vũ Văn Sinh                                                                                           |                                                                               |                                                                      |                                                                                              |                                                                                                                       |                                                                             |                                                                                       | <i>Em/Brother</i>                                                                                                                                                    |





|      |                                                                                         |             |                                                               |              |                                                                                                           |             |             |                                                                                                                                                    |
|------|-----------------------------------------------------------------------------------------|-------------|---------------------------------------------------------------|--------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 2.07 | Vũ Trần Minh                                                                            |             |                                                               |              |                                                                                                           |             |             | Em/Brother                                                                                                                                         |
| 2.08 | Lê Lương                                                                                |             |                                                               |              |                                                                                                           |             |             | Bố vợ/Father in law                                                                                                                                |
| 2.09 | Hồ Thị Hương                                                                            |             |                                                               |              |                                                                                                           |             |             | Mẹ vợ/Mother in law                                                                                                                                |
| 2.10 | Lê Tường                                                                                |             |                                                               |              |                                                                                                           |             |             | Anh vợ/Brother in law                                                                                                                              |
| 2.11 | Lê Cái                                                                                  |             |                                                               |              |                                                                                                           |             |             | Anh vợ/Brother in law                                                                                                                              |
| 2.12 | Lê Hóa                                                                                  |             |                                                               |              |                                                                                                           |             |             | Anh vợ/Brother in law                                                                                                                              |
| 2.13 | Lê Thị Hoa                                                                              |             |                                                               |              |                                                                                                           |             |             | Chị vợ/sister in law                                                                                                                               |
| 2.14 | Lê Nam                                                                                  |             |                                                               |              |                                                                                                           |             |             | Anh vợ/Brother in law                                                                                                                              |
| 2.15 | Lê Hữu Phước                                                                            |             |                                                               |              |                                                                                                           |             |             | Anh vợ/Brother in law                                                                                                                              |
| 2.16 | Tổng Công ty Công Nghiệp Tàu Thủy Việt Nam (SBIC)/<br>Shipbuilding Industry Corporation |             |                                                               | 100113303    | 172 Ngọc Khánh, Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội / 172 Ngọc Khanh Street, Giang Vo Ward, Ba Dinh District, Hanoi | 4.479.257   | 7.53%       | Ô. Vũ Minh Phú đại diện vốn của SBIC: 4.479.257 CP ~ 7,53%/VĐL/Mr. Vu Minh Phu represents SBIC's capital: 4,479,257 shares ~ 7.53%/charter capital |
| 3    | Nguyễn Văn Dương                                                                        | Không có/No | Thành viên Hội đồng Quản trị/Member of the Board of Directors | 040077014628 | 65A2 đường 30/4, P.Rạch Dừa, TP.HCM                                                                       | Không có/No | Không có/No | Địa chỉ Công ty/Company address                                                                                                                    |
| 3.01 | Phan Thị Thu Hiền                                                                       |             |                                                               |              |                                                                                                           |             |             | Vợ/Wife                                                                                                                                            |
| 3.02 | Nguyễn Văn Duy Anh                                                                      |             |                                                               |              |                                                                                                           |             |             | Con/Child                                                                                                                                          |
| 3.03 | Nguyễn Văn Huy Anh                                                                      |             |                                                               |              |                                                                                                           |             |             | Con/Child                                                                                                                                          |
| 3.04 | Nguyễn Văn Quý                                                                          |             |                                                               |              |                                                                                                           |             |             | Bố/Father                                                                                                                                          |
| 3.05 | Đậu Thị Hường                                                                           |             |                                                               |              |                                                                                                           |             |             | Mẹ/Mother                                                                                                                                          |
| 3.06 | Nguyễn Thị Lương                                                                        |             |                                                               |              |                                                                                                           |             |             | Chị/Sister                                                                                                                                         |
| 3.07 | Nguyễn Thị Lâm                                                                          |             |                                                               |              |                                                                                                           |             |             | Em/Sister                                                                                                                                          |
| 3.08 | Nguyễn Văn Toàn                                                                         |             |                                                               |              |                                                                                                           |             |             | Em/Brother                                                                                                                                         |
| 3.09 | Phan Minh Tiến                                                                          |             |                                                               |              |                                                                                                           |             |             | Bố vợ/Father in law                                                                                                                                |
| 3.10 | Nguyễn Thị Ngân                                                                         |             |                                                               |              |                                                                                                           |             |             | Mẹ vợ/Mother in law                                                                                                                                |
| 3.11 | Phan Minh Nam                                                                           |             |                                                               |              |                                                                                                           |             |             | Anh vợ/Brother in law                                                                                                                              |
| 3.12 | Phan Văn Cảnh                                                                           |             |                                                               |              |                                                                                                           |             |             | Anh vợ/Brother in law                                                                                                                              |
| 3.13 | Nguyễn Thị Hoài                                                                         |             |                                                               |              |                                                                                                           |             |             | Em vợ/Sister in law                                                                                                                                |
| 4    | Lê Văn Hiền                                                                             | Không có/No | Thành viên Hội đồng Quản trị/Member of the Board of Directors | 52068002088  | 65A2 đường 30/4, P.Rạch Dừa, TP.HCM                                                                       | Không có/No | Không có/No | Địa chỉ Công ty/Company address                                                                                                                    |
| 4.01 | Lê Văn Thành                                                                            |             |                                                               |              |                                                                                                           |             |             | Bố/Father                                                                                                                                          |
| 4.02 | Nguyễn Thị Phụng                                                                        |             |                                                               |              |                                                                                                           |             |             | Mẹ/Mother                                                                                                                                          |
| 4.03 | Lê Hoàng Đức                                                                            |             |                                                               |              |                                                                                                           |             |             | Con/Child                                                                                                                                          |
| 4.04 | Lê Hoàng Vinh                                                                           |             |                                                               |              |                                                                                                           |             |             | Con/Child                                                                                                                                          |
| 4.05 | Lê Văn Quang                                                                            |             |                                                               |              |                                                                                                           |             |             | Anh/Brother                                                                                                                                        |
| 4.06 | Lê Văn Huy                                                                              |             |                                                               |              |                                                                                                           |             |             | Em/Brother                                                                                                                                         |
| 4.07 | Lê Văn Cường                                                                            |             |                                                               |              |                                                                                                           |             |             | Em/Brother                                                                                                                                         |
| 4.08 | Lê Văn Thịnh                                                                            |             |                                                               |              |                                                                                                           |             |             | Em/Brother                                                                                                                                         |

|      |                     |             |                                                 |              |                                     |             |             |                                                       |
|------|---------------------|-------------|-------------------------------------------------|--------------|-------------------------------------|-------------|-------------|-------------------------------------------------------|
| 4.09 | Lê Văn Sang         |             |                                                 |              |                                     |             |             | Em/Brother                                            |
| 5    | Nguyễn Lệ Trà       | Không có/No | Trưởng Ban kiểm soát/ Head of Supervisory Board | 080182013421 | 65A2 đường 30/4, P.Rạch Dừa, TP.HCM | Không có/No | Không có/No | Miễn nhiệm ngày 19/6/2026/ Dismissal on June 19, 2026 |
| 5.01 | Đào Văn Đại         |             |                                                 |              |                                     |             |             | Chồng/Husband                                         |
| 5.02 | Đào Nam Khang       |             |                                                 |              |                                     |             |             | Con/Child                                             |
| 5.03 | Đào Khánh Chi       |             |                                                 |              |                                     |             |             | Con/Child                                             |
| 5.04 | Nguyễn Viết Kỳ      |             |                                                 |              |                                     |             |             | Bố/Father                                             |
| 5.05 | Lê Thị Hòe          |             |                                                 |              |                                     |             |             | Mẹ/Mother                                             |
| 5.06 | Nguyễn Hà An        |             |                                                 |              |                                     |             |             | Chị/sister                                            |
| 5.07 | Nguyễn Hoài Thanh   |             |                                                 |              |                                     |             |             | Em/Brother                                            |
| 5.08 | Đào Văn Doanh       |             |                                                 |              |                                     |             |             | Bố chồng/father in law                                |
| 5.09 | Phạm Thị Thách      |             |                                                 |              |                                     |             |             | Mẹ chồng/mother in law                                |
| 5.10 | Đào Văn Thắng       |             |                                                 |              |                                     |             |             | Anh chồng/brother in law                              |
| 5.11 | Đào Thị Bích Liên   |             |                                                 |              |                                     |             |             | Em chồng/sister in law                                |
| 6    | Phạm Công Huy       | Không có/No | Kiểm soát viên/ Board of Supervisors            | 020095007968 | 65A2 đường 30/4, P.Rạch Dừa, TP.HCM | Không có/No | Không có/No | Miễn nhiệm ngày 19/6/2026/ Dismissal on June 19, 2026 |
| 6.01 | Phạm Công Minh      |             |                                                 |              |                                     |             |             | Bố/Father                                             |
| 6.02 | Nghiêm Thị Hoa      |             |                                                 |              |                                     |             |             | Mẹ/Mother                                             |
| 6.03 | Bùi Thị Dinh        |             |                                                 |              |                                     |             |             | Mẹ vợ/Mother in law                                   |
| 6.04 | Phạm Thu Hiền       |             |                                                 |              |                                     |             |             | Em/sister                                             |
| 6.05 | Bùi Thị Thanh Huyền |             |                                                 |              |                                     |             |             | Vợ/Wife                                               |
| 6.06 | Phạm Công Khánh     |             |                                                 |              |                                     |             |             | Con/Child                                             |
| 7    | Phạm Thường Minh    |             | Kiểm soát viên/ Board of Supervisors            | 034070007844 | 65A2 đường 30/4, P.Rạch Dừa, TP.HCM | 32.000      | 0.053%      | Địa chỉ Công ty/Company address                       |
| 7.01 | Quang Thu Hương     |             |                                                 |              |                                     |             |             | Vợ/Wife                                               |
| 7.02 | Phạm Quang Nghị     |             |                                                 |              |                                     |             |             | Con/Child                                             |
| 7.03 | Phạm Hoàng Ngân     |             |                                                 |              |                                     |             |             | Con/Child                                             |
| 7.04 | Phạm Thế Cừ         |             |                                                 |              |                                     |             |             | Bố/Father                                             |
| 7.05 | Nguyễn Thị Rồng     |             |                                                 |              |                                     |             |             | Mẹ/Mother                                             |
| 7.06 | Quang Văn Thịnh     |             |                                                 |              |                                     |             |             | Bố vợ/Father in law                                   |
| 7.07 | Đỗ Thị Gián         |             |                                                 |              |                                     |             |             | Mẹ vợ/Mother in law                                   |
| 7.08 | Phạm Thúy Quỳnh     |             |                                                 |              |                                     |             |             | Em/Sister                                             |
| 7.09 | Phạm Khánh Vân      |             |                                                 |              |                                     |             |             | Em/Brother                                            |
| 7.10 | Phạm Thành Đạt      |             |                                                 |              |                                     |             |             | Em/Brother                                            |
| 7.11 | Phạm Phương Hào     |             |                                                 |              |                                     |             |             | Em/Sister                                             |
| 8    | Hồ Thị Kim Ánh      | Không có/No | Trưởng Ban kiểm soát/ Head of Supervisory Board | 046193005448 | 65A2 đường 30/4, P.Rạch Dừa, TP.HCM | Không có/No | Không có/No | Bổ nhiệm ngày 23/6/2026/ Appointed on June 23, 2026   |



|       |                                                                                                                   |             |                                                                                                |              |                                                                                                                                           |             |             |                                                                                                                                                                                                           |
|-------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 8.01  | Trần Kỳ Anh                                                                                                       |             |                                                                                                |              |                                                                                                                                           |             |             | Chồng/Husband                                                                                                                                                                                             |
| 8.02  | Trần Hồ Hạ An                                                                                                     |             |                                                                                                |              |                                                                                                                                           |             |             | Con/Child                                                                                                                                                                                                 |
| 8.03  | Võ Thị Vui                                                                                                        |             |                                                                                                |              |                                                                                                                                           |             |             | Mẹ/Mother                                                                                                                                                                                                 |
| 8.04  | Hồ Hữu Quang                                                                                                      |             |                                                                                                |              |                                                                                                                                           |             |             | Anh/brother                                                                                                                                                                                               |
| 8.05  | Hồ Thị Trâm Anh                                                                                                   |             |                                                                                                |              |                                                                                                                                           |             |             | Chị/Sister                                                                                                                                                                                                |
| 8.06  | Trần Đức Thám                                                                                                     |             |                                                                                                |              |                                                                                                                                           |             |             | Bố<br>Chồng/Father in law                                                                                                                                                                                 |
| 8.07  | Nguyễn Thị Lan                                                                                                    |             |                                                                                                |              |                                                                                                                                           |             |             | Mẹ<br>chồng/Mother in law                                                                                                                                                                                 |
| 8.08  | Lê Thị Kim Tiến                                                                                                   |             |                                                                                                |              |                                                                                                                                           |             |             | Chị dâu/brother in law                                                                                                                                                                                    |
| 8.09  | Cao Phú                                                                                                           |             |                                                                                                |              |                                                                                                                                           |             |             | Anh rể/brother in law                                                                                                                                                                                     |
| 9     | Trịnh Minh Nguyên                                                                                                 | Không có/No | Kiểm soát viên/<br>Board of Supervisors                                                        | 022085013139 | 65A2 đường 30/4,<br>P.Rạch Dừa,<br>TP.HCM                                                                                                 | Không có/No | Không có/No | Bổ nhiệm ngày<br>19/6/2026/<br>Appointed on<br>June 19, 2026                                                                                                                                              |
| 9.01  | Trần Thị Ngọc Quỳnh                                                                                               |             |                                                                                                |              |                                                                                                                                           |             |             | Vợ/Wife                                                                                                                                                                                                   |
| 9.02  | Trịnh Minh Tâm                                                                                                    |             |                                                                                                |              |                                                                                                                                           |             |             | Con/Child                                                                                                                                                                                                 |
| 9.03  | Trịnh Minh Soái                                                                                                   |             |                                                                                                |              |                                                                                                                                           |             |             | Bố/Father                                                                                                                                                                                                 |
| 9.04  | Bùi Thị Tâm                                                                                                       |             |                                                                                                |              |                                                                                                                                           |             |             | Mẹ/Mother                                                                                                                                                                                                 |
| 9.05  | Trịnh Minh Hồng                                                                                                   |             |                                                                                                |              |                                                                                                                                           |             |             | Em/brother                                                                                                                                                                                                |
| 9.06  | Trần Ngọc Hoàn                                                                                                    |             |                                                                                                |              |                                                                                                                                           |             |             | Bố vợ/Father in law                                                                                                                                                                                       |
| 9.07  | Hà Thị Phương Thu                                                                                                 |             |                                                                                                |              |                                                                                                                                           |             |             | Mẹ vợ/Mother in law                                                                                                                                                                                       |
| 9.08  | Trần Tiến Cử                                                                                                      |             |                                                                                                |              |                                                                                                                                           |             |             | Em vợ/brother in law                                                                                                                                                                                      |
| 10    | Trương Duy Lâm                                                                                                    | Không có/No | Giám đốc/<br>Director ; Thành<br>viên hội đồng quản<br>trị/Member of the<br>Board of Directors | 079084009550 | 65A2 đường 30/4,<br>P.Rạch Dừa,<br>TP.HCM                                                                                                 | Không có/No | Không có/No | Địa chỉ Công<br>ty/Company<br>address                                                                                                                                                                     |
| 10.01 | Trương Quang Mùi                                                                                                  |             |                                                                                                |              |                                                                                                                                           |             |             | Bố/Father                                                                                                                                                                                                 |
| 10.02 | Lâm Chí Công                                                                                                      |             |                                                                                                |              |                                                                                                                                           |             |             | Mẹ/Mother                                                                                                                                                                                                 |
| 10.03 | Trương Thu Trà                                                                                                    |             |                                                                                                |              |                                                                                                                                           |             |             | Chị/sister                                                                                                                                                                                                |
| 10.04 | Tổng công ty CP Dịch vụ<br>kỹ thuật Dầu khí Việt<br>Nam (PTSC)/<br>PetroVietnam Technical<br>Services Corporation |             | TCLQ                                                                                           | 0100150577   | Số 1 Lê Duẩn,<br>Phường Sài Gòn,<br>Thành phố Hồ Chí<br>Minh, Việt Nam/<br>No. 1 Le Duan,<br>Saigon Ward, Ho<br>Chi Minh City,<br>Vietnam | 17.105.643  | 28.75%      | Ô. Trương Duy<br>Lâm đại diện<br>vốn của PTSC:<br>10.105.643 CP<br>~<br>16,985%/VĐL/<br>Mr. Trương<br>Duy Lâm<br>represents<br>PTSC's capital<br>of 10.105.643<br>shares ~<br>16,985%/charter<br>capital. |
| 11    | Nguyễn Nam Anh                                                                                                    |             | Phó Giám đốc/<br>Vice Director                                                                 | 001079036087 | 65A2 đường 30/4,<br>P.Rạch Dừa,<br>TP.HCM                                                                                                 | 16.000      | 0.026%      | Địa chỉ Công<br>ty/Company<br>address                                                                                                                                                                     |
| 11.01 | Bùi Thanh Kim Ngọc                                                                                                |             |                                                                                                |              |                                                                                                                                           |             |             | Vợ/Wife                                                                                                                                                                                                   |
| 11.02 | Nguyễn Ngọc Hà Ngân                                                                                               |             |                                                                                                |              |                                                                                                                                           |             |             | Con/Child                                                                                                                                                                                                 |
| 11.03 | Nguyễn Hà Anh                                                                                                     |             |                                                                                                |              |                                                                                                                                           |             |             | Con/Child                                                                                                                                                                                                 |

|       |                           |             |                                                                                       |  |                                           |             |             |                                       |
|-------|---------------------------|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------|--|-------------------------------------------|-------------|-------------|---------------------------------------|
| 11.04 | Nguyễn Văn Tiến           |             |                                                                                       |  |                                           |             |             | Bố/Father                             |
| 11.05 | Đoàn Kim Dung             |             |                                                                                       |  |                                           |             |             | Mẹ/Mother                             |
| 11.06 | Nguyễn Tuấn Anh           |             |                                                                                       |  |                                           |             |             | Anh/brother                           |
| 11.07 | Bùi Quang Hưng            |             |                                                                                       |  |                                           |             |             | Bố vợ/Father in law                   |
| 11.08 | Kim Thanh Xuyên           |             |                                                                                       |  |                                           |             |             | Mẹ vợ/Mother in law                   |
| 11.09 | Bùi Quang Thoại           |             |                                                                                       |  |                                           |             |             | Em vợ/brother in law                  |
| 12    | <b>Mạc Thị Hồng Vượng</b> | Không có/No | <b>Phụ trách tài chính<br/>kế toán/ Finance<br/>and accounting<br/>manager</b>        |  | 65A2 đường 30/4,<br>P.Rạch Dừa,<br>TP.HCM | Không có/No | Không có/No | Địa chỉ Công<br>ty/Company<br>address |
| 12.01 | Đào Văn Khởi              |             |                                                                                       |  |                                           |             |             | Chồng/Husband                         |
| 12.02 | Đào Thế Long              |             |                                                                                       |  |                                           |             |             | Con/Child                             |
| 12.03 | Đào Bảo Linh              |             |                                                                                       |  |                                           |             |             | Con/Child                             |
| 12.04 | Mạc Văn Quý               |             |                                                                                       |  |                                           |             |             | Bố/Father                             |
| 12.05 | Thân Thị Trường           |             |                                                                                       |  |                                           |             |             | Mẹ/Mother                             |
| 12.06 | Đào Văn Tiến              |             |                                                                                       |  |                                           |             |             | Bố chồng/father in law                |
| 12.07 | Nguyễn Thị Khoa           |             |                                                                                       |  |                                           |             |             | Mẹ<br>chồng/mother<br>in law          |
| 12.08 | Mạc Xuân Sơn              |             |                                                                                       |  |                                           |             |             | Em/Brother                            |
| 13    | <b>Phạm Trường Giang</b>  | Không có/No | <b>Người phụ trách<br/>quản trị Công ty/<br/>Corporate<br/>Governance<br/>Officer</b> |  | 65A2 đường 30/4,<br>P.Rạch Dừa,<br>TP.HCM | Không có/No | Không có/No | Địa chỉ Công<br>ty/Company<br>address |
| 13.01 | Trương Thị Hường          |             |                                                                                       |  |                                           |             |             | Mẹ/Mother                             |
| 13.02 | Phạm Hồng Huệ             |             |                                                                                       |  |                                           |             |             | Em/Sister                             |
| 13.03 | Phạm Minh Uyên            |             |                                                                                       |  |                                           |             |             | Con/Child                             |

NGƯỜI LẬP / Reporter



Phạm Trường Giang

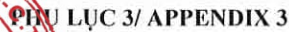
ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC / ORGANIZATION REPRESENTATIVE  
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu) / Sign, full name and stamp



Trương Duy Lâm





[illegible]